

huà yǔ xiàng qián zǒu dì sì cè dì wǔ kè A shēng zì bù jiàn liàn xí
學華語向前走第四冊第五課 A 生字部件練習



tīng tīng zài jiāng bù jiàn zǔ hé
聽聽看，再將生字部件組合起來。

Listen and assemble the corresponding Characters.







丿 夠 亻
多 著 冷
氏 令 變
艹 低 句
者 文 絲

chóng zǔ
重組: Re-assemble the sentences.

1. 還是 外套 *你 吧! 帶著

* _____ !

2. 外套, *他穿了 還戴了 而且 手套。

* _____ 。

✿ 聽聽看、連連看：Listen and connect the corresponding picture and vocabulary.



★ 氣溫



★ 外套



★ 裙子



★ 長褲



★ 風



★ 流汗



★ 襪子



★ 暖和



★ 感冒